TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **32** /2023/DS-ST
Ngày: 24-04-2023
v/v: Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình;

2. Ông Lưu Trọng Kim.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2023/TLST- DS, ngày 08/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-DS ngày 11/4/2023:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 109 LHP, khu phố Z, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Công ty TNHH LN và cộng sự**; Người đại diện pháp luật: ông Nguyễn Xuân L1 - Giám đốc. Có mặt.

Địa chỉ: Số A đường số B, phường HBC, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Tuấn D**, sinh năm 1973. Có mặt

Địa chỉ: Số 1, đường số 20, tổ 5, thôn 10, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2023 và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 06/4/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Từ năm 2018 bà Lê Thị L có bán cám thức ăn chăn nuôi heo cho ông Nguyễn Tuấn D, các bên có lập giấy nợ số tiền mua bán cám thức ăn chăn nuôi heo. Đến ngày 15/8/2019, thì ông D còn nợ bà L số tiền là 247.200.000 đồng. Đến ngày 30/10/2019, ông D thanh toán cho bà L số tiền là 43.400.000 đồng, có ghi vào giấy nợ. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay ông D vẫn chưa thanh toán phần còn lại cho bà L. Nay bà L yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền 276.536.220 đồng, cụ thể: Số tiền nợ gốc là 203.800.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 72.736.220 đồng tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/3/2023. Trường hợp ông D kéo dài thời hạn thi hành án trả nợ cho bà L thì buộc ông D phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng/số tiền chậm/số tiền chậm thi hành án tính từ ngày bà L có đơn yêu cầu đến khi thi hành án hoàn tất theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả từ khi gút nợ (15/8/2019) cho đến hôm nay.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01"Giấy ghi nợ" có chữ ký và ghi tên của ông Nguyễn Tuấn D, về nội dung của các giấy ghi nợ thể hiện 2 khoản tiền như sau: Vào ngày 15/8/2019 ông D nợ bà L số tiền cám là 247.200.000 đồng; ngày 30/10/2019 trả số tiền 43.400.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Tuấn D trình bày: Vào năm 2018, bà Lê Thị L và ông D có làm ăn chung với nhau, cụ thể : bà L đầu tư cám thức ăn chăn nuôi heo cho ông D; ông D đầu tư con giống và chuồng trại. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau, không lập giấy tờ. Đến năm 2019, dịch tả lợn Châu Phi

bùng phát heo giống chết toàn bộ, ông D không thu hồi lại được vốn. Đồng thời, khi đó bà L ngưng đầu tư cám cho ông D. Tổng số tiền cám chăn nuôi heo bà L đã đầu tư là 247.200.000 đồng, hai bên có lập giấy ghi nợ ngày 15/8/2019 nhằm mục đích giảm lãi suất ngân hàng khi bà L vay vốn. Đến ngày 30/10/2019, ông D đã thanh toán cho bà L số tiền 43.400.000 đồng. Từ đó đến nay, ông D chưa thanh toán phần còn lại. Nay ông D đồng ý thanh toán cho bà L số tiền nợ gốc là 203.800.000 đồng, còn số tiền lãi chậm trả ông D không đồng ý, vì giữa ông D và bà L là làm ăn chung, việc bà L đầu tư cám chăn nuôi cho ông D đã có lợi nhuận trong việc đầu tư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, tuy nhiên đã có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào nội dung vụ án và đơn khởi kiện bổ sung, Tòa án xác định đây là tranh chấp nghĩa vụ trả tiền theo Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu ông Nguyễn Tuấn D thanh toán tiền nợ 203.800.000 đồng là có căn cứ. Vì nguyên đơn bà L đưa ra giấy ghi nợ, thể hiện 2 khoản tiền như sau: Vào ngày 15/8/2019 ông D nợ bà L số tiền cám là 247.200.000 đồng, ngày 30/10/2019 trả số tiền 43.400.000 đồng; không thể hiện thời hạn thanh toán phần còn lại. Những chứng cứ ngày Tòa án đã công khai cho ông D và ông D cũng thừa nhận các khoản tiền trên giấy ghi nợ. Do đó, cần buộc ông D trả cho bà L số tiền 203.8000.000 đồng là phù hợp Điều 430, 440 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi phạt: Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn không yêu cầu ông D phải chịu lãi suất kể từ ngày 15/8/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, xét thấy yêu cầu này là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2,3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Tuấn D phải trả cho bà Lê Thị L số tiền 203.800.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Tuấn D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn D phải chịu 10.190.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị L không phải chịu án phí, trả lại cho bà L 7.863.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014892, ngày 8/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 24/4/2023, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thái